

Bài 33. KHÁI NIỆM SỐ THẬP PHÂN (tiếp theo)

1. a) Ghi phần nguyên của mỗi số vào bên dưới ô trống dưới số đó:

85.72 ; 91.25 ; 8.50 ; 365.9 ; 0.87.

VD: 85

b) Ghi phần thập phân của mỗi số vào bên dưới ô trống dưới số đó:

2.56 ; 8.125 ; 69.05 ; 0.07 ; , 0.001.

VD: 56

2. Thêm dấu phẩy để có số thập phân với phần nguyên gồm ba chữ số :

5972 ; 60508 ; 20075 ; 2001.

VD: 597,2

4. Chuyển số thập phân thành phân số thập phân :

a) $0,5 = \underline{\hspace{1cm}}$; $0,92 = \underline{\hspace{1cm}}$; $0,075 = \underline{\hspace{1cm}}$

b) $0,4 = \underline{\hspace{1cm}}$; $0,04 = \underline{\hspace{1cm}}$; $0,004 = \underline{\hspace{1cm}}$

3. Viết hỗn số thành số thập phân (theo mẫu) :

a) $3\frac{1}{10} = 3,1$; $8\frac{2}{10} = \underline{\hspace{1cm}}$; $61\frac{9}{10} = \underline{\hspace{1cm}}$

b) $5\frac{72}{100} = \underline{\hspace{1cm}}$; $19\frac{25}{100} = \underline{\hspace{1cm}}$; $80\frac{5}{100} = \underline{\hspace{1cm}}$

c) $2\frac{625}{1000} = \underline{\hspace{1cm}}$; $88\frac{207}{1000} = \underline{\hspace{1cm}}$; $70\frac{65}{1000} = \underline{\hspace{1cm}}$